

QUY ĐỊNH

**Chế độ báo cáo định kỳ phục vụ
mục tiêu quản lý trên địa bàn tỉnh An Giang**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 30 /2020/QĐ-UBND
ngày 02 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định chế độ báo cáo định kỳ phục vụ mục tiêu quản lý trên địa bàn tỉnh An Giang nhằm phục vụ yêu cầu quản lý, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Quy định này không điều chỉnh

a) Chế độ báo cáo thống kê theo quy định của pháp luật về thống kê;

b) Chế độ báo cáo mật theo quy định của pháp luật về bí mật nhà nước;

c) Chế độ báo cáo trong nội bộ từng cơ quan hành chính nhà nước.

d) Chế độ báo cáo đột xuất, báo cáo chuyên đề và các báo cáo khác thực hiện theo yêu cầu, lãnh đạo, chỉ đạo của cơ quan, người có thẩm quyền.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Trưởng các đơn vị trực thuộc sở, ban, ngành tỉnh, các đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và cán bộ, công chức, viên chức có liên quan đến việc ban hành và thực hiện các chế độ báo cáo.

2. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chế độ báo cáo do cơ quan hành chính nhà nước ban hành.

Điều 3. Nguyên tắc báo cáo

Áp dụng theo Điều 5 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ Quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước (sau đây gọi tắt là Nghị định số 09/2019/NĐ-CP).”

**Chương II
THẨM QUYỀN BAN HÀNH VÀ YÊU CẦU CHẾ ĐỘ BÁO CÁO**

Điều 4. Thẩm quyền ban hành chế độ báo cáo

Áp dụng theo khoản 4, khoản 5, Khoản 6 Điều 6 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP.

Điều 5. Hình thức báo cáo và phương thức gửi, nhận báo cáo

1. Hình thức báo cáo

Báo cáo phải được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử.

2. Phương thức gửi, nhận báo cáo

Báo cáo của các ngành, địa phương được gửi đến cơ quan nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau:

a) Gửi qua Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành của tỉnh;

b) Gửi qua Hệ thống thư điện tử;

c) Gửi qua Fax;

d) Gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính;

đ) Gửi qua Hệ thống phần mềm thông tin báo cáo và các phương thức khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Thời gian chốt số liệu báo cáo

1. Đối với báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh áp dụng theo Điều 12 của Nghị định số 09/2019/NĐ-CP.

2. Đối với các báo cáo định kỳ khác, các cơ quan, đơn vị thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 7. Thời hạn gửi báo cáo

1. Các ngành, địa phương được Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao chủ trì, phối hợp để tổng hợp báo cáo gửi về Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh vào các thời điểm sau:

a) Báo cáo tháng: Gửi chậm nhất vào ngày 20 hàng tháng.

b) Báo cáo quý: Gửi chậm nhất vào ngày 20 của tháng cuối quý.

c) Báo cáo 6 tháng:

- Báo cáo 6 tháng đầu năm gửi chậm nhất vào ngày 20/6.

- Báo cáo 6 tháng cuối năm gửi chậm nhất vào ngày 20/12.

d) Báo cáo năm: Gửi chậm nhất vào ngày 20/12 hàng năm.

2. Thời hạn gửi các kỳ báo cáo vào các thời điểm sau:

a) UBND cấp xã, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi báo cáo cho Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp chậm nhất vào ngày 17 của tháng cuối kỳ báo cáo;

b) UBND cấp huyện và các sở, ban, ngành trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các cơ quan Trung ương được tổ chức theo hệ thống ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh, tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp có liên quan gửi báo cáo cho cơ quan, ban, ngành chủ trì tổng hợp chậm nhất vào ngày 20 của tháng cuối kỳ báo cáo;

c) Trường hợp thời hạn báo cáo định kỳ trùng vào ngày nghỉ hàng tuần hoặc ngày nghỉ lễ theo quy định của pháp luật thì thời hạn nhận báo cáo định kỳ được tính vào ngày làm việc tiếp theo sau ngày nghỉ đó.

3. Các báo cáo định kỳ khác, các cơ quan, đơn vị thực hiện theo quy định của cơ quan yêu cầu báo cáo.

Điều 8. Chế độ xử lý thông tin, báo cáo

1. Đối với báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh: Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp thành báo cáo chung.

2. Đối với các báo cáo định kỳ khác, Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho sở, ngành nào chủ trì thì sở, ngành đó có trách nhiệm xử lý thông tin và tổng hợp thành báo cáo chung của tỉnh.

Điều 9. Danh mục báo cáo định kỳ

1. Danh mục báo cáo định kỳ, đề cương báo cáo, biểu mẫu báo cáo thực hiện theo Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này.

2. Công bố Danh mục báo cáo định kỳ

a) Danh mục báo cáo định kỳ được công bố trên Cổng thông tin điện tử tỉnh An Giang. Nội dung công bố gồm: Tên báo cáo, đối tượng thực hiện báo cáo, cơ quan nhận báo cáo, tần suất thực hiện báo cáo, đề cương, biểu mẫu báo cáo và văn bản quy định chế độ báo cáo;

b) Danh mục báo cáo định kỳ phục vụ mục tiêu quản lý của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh phải được cập nhật, công bố thường xuyên khi có sự thay đổi.

Các sở, ban, ngành tỉnh được giao chủ trì thực hiện các chế độ báo cáo định kỳ theo danh mục tại quyết định này chủ động phối hợp với Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh thường xuyên rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung Danh mục báo cáo định kỳ đảm bảo phù hợp với yêu cầu phục vụ mục tiêu quản lý nhà nước của tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Chương III

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 10. Ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện chế độ báo cáo

1. Các ngành, địa phương có trách nhiệm ứng dụng công nghệ thông tin trong việc thực hiện chế độ báo cáo, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổng hợp, chia sẻ thông tin báo cáo và tiết kiệm thời gian, chi phí trong quá trình thực hiện báo cáo.

2. Giá trị pháp lý của báo cáo điện tử và việc sử dụng chữ ký số, xây dựng các biểu mẫu điện tử thực hiện theo quy định tại các văn bản pháp luật hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

Điều 11. Yêu cầu về chức năng cơ bản của Hệ thống thông tin báo cáo

Hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh được xây dựng trên cơ sở chế độ báo cáo do địa phương ban hành, trong đó phải bảo đảm chức năng hỗ trợ tạo lập chỉ tiêu, báo cáo theo biểu mẫu trên hệ thống; bảo đảm khả năng phân bổ chỉ tiêu, biểu mẫu báo cáo từ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xuống các cơ quan, đơn vị trực thuộc, các tổ chức, cá nhân có liên quan; tổng hợp số liệu báo cáo; cho phép các cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng để cập nhật, chia sẻ số liệu báo cáo theo quy định và phục vụ báo cáo cho cơ quan có thẩm quyền.

Điều 12. Hạ tầng kỹ thuật, công nghệ

Hạ tầng kỹ thuật kết nối Hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh phải được duy trì ổn định, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ.

Điều 13. Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh

Hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh xây dựng theo Kế hoạch được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ và Bộ Thông tin và Truyền thông.

Chương IV

QUYỀN, TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG TRONG THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 14. Quyền của các ngành, địa phương trong việc khai thác, sử dụng dữ liệu trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh

1. Các ngành, địa phương được quyền khai thác cơ sở dữ liệu về thông tin báo cáo trên Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia theo phân cấp quản lý.

2. Các ngành, địa phương tham gia thu thập, xử lý, cập nhật thông tin báo cáo được truy cập và khai thác cơ sở dữ liệu theo phân quyền; được quyền trích

xuất dữ liệu do mình trực tiếp cập nhật để tổ chức thành bộ dữ liệu riêng phục vụ yêu cầu quản lý, chỉ đạo điều hành của mình.

Điều 15. Trách nhiệm công khai, chia sẻ thông tin báo cáo

Áp dụng theo điểm c, điểm d, điểm đ khoản 2 Điều 22 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP.

Điều 16. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, công chức và cá nhân, tổ chức có liên quan trong việc thực hiện chế độ báo cáo

Áp dụng theo Điều 23 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP.

Chương V
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Kinh phí thực hiện

Áp dụng theo Điều 31 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP.

Điều 18. Trách nhiệm thi hành

1. Các ngành và địa phương, các cá nhân, tổ chức có liên quan thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kỳ theo Quy định này; chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thường xuyên tổ chức rà soát chế độ báo cáo để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước, đáp ứng các nguyên tắc và yêu cầu của Quyết định này.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các ngành, địa phương thực hiện Quy định này;

b) Thường xuyên rà soát chế độ báo cáo để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước, đáp ứng các nguyên tắc và yêu cầu tại Quy định này.

c) Chủ trì, phối hợp với cơ quan có liên quan tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng biểu mẫu đề cương báo cáo, công bố danh mục báo cáo định kỳ tại Quyết định này trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh theo quy định.

d) Chủ trì, phối hợp với cơ quan có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức xây dựng, quản lý và vận hành các Hệ thống thông tin báo cáo theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ và Bộ Thông tin và Truyền thông. Hướng dẫn, tổ chức tập huấn cho các đối tượng thực hiện báo cáo.

3. Sở Thông tin và Truyền thông:

a) Chủ trì, phối hợp với cơ quan có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức xây dựng, quản lý và vận hành Hệ thống thông tin báo cáo trên địa bàn tỉnh, đảm bảo tính đồng bộ, liên thông số liệu từ cấp tỉnh, huyện, xã và liên thông với các Bộ, Ngành Trung ương;

b) Tham mưu UBND tỉnh ban hành quy chế vận hành hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh;

c) Hướng dẫn thực hiện biện pháp bảo đảm an toàn thông tin cho Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh theo quy định của pháp luật.

4. Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ ngân sách hàng năm để đảm bảo cho việc xây dựng và duy trì hoạt động của Hệ thống thông tin báo cáo; hướng dẫn các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố lập dự toán nguồn kinh phí phục vụ cho việc thực hiện chế độ báo cáo.

5. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, các ngành, địa phương và tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thanh Bình